

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Sáng sớm hôm sau, tiếng chim kêu ríu rít trong vườn đã đánh thức tôi dậy. Mặt trời còn khuất sau quả đồi, ánh một vùng hồng lên nền trời xanh biếc. Bên kia sông, rừng cây từng lớp nhiều màu còn mờ lẩn trong màn sương trắng.

Dưới chân đồi, những mảnh ruộng mạ non như nhung, những thửa ruộng nước sáng lên như tấm gương. Con đường đất đỏ ngòong ngoèo qua cánh đồng, người đi chợ trông nhỏ bé như một đàn kiến. Tất cả trải dài trên cao nhìn xuống như cùng ca một bài ca vui vẻ và ham sống, khiến tôi thấy nao nức trong lòng.

Tôi trèo lên đỉnh đồi, ngồi trên những tảng đá quay nhìn khắp bốn phương. Khi nắng bắt đầu gay gắt, và cỏ đã mềm nóng dưới gót chân, tôi thong thả xuống, đi len lỏi vào các vườn chè, sắn, rồi đến bờ sông Cong, tìm một chỗ bóng mát nghỉ ngơi. Tôi ngả người trên cỏ nằm mơ màng, đếm cái tiếng kêu của chim gáy ở tận đâu xa xa. Tất cả buổi, tôi chỉ quanh quẩn ở ngoài đồi, trông và nghe không biết mỏi.

Chiều đến, tôi lắng nghe luồng gió thì thảo trong cành lá, hay đứng trên đồi nhìn sương mù từ từ bốc trên mặt sông. Tôi lần theo những con đường cỏ ướt để tìm trong bờ giậu cái điểm sáng của con sâu đêm. Tôi ngừng nhìn những vì sao lấp lánh trên không, dải ngân hà mờ sáng và tìm ông Thần Nông đội mũ đỏ.

(Trích *Nắng trong vườn*, Thạch Lam, NXB Hội Nhà văn & Cty Nhã Nam, 2015, tr.16-17)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (0,75 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2. (0,75 điểm) Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: *Con đường đất đỏ ngòong ngoèo qua cánh đồng, người đi chợ trông nhỏ bé như một đàn kiến.*

Câu 3. (0,75 điểm) Nêu ngắn gọn tâm trạng của nhân vật tôi qua một ngày trải nghiệm ở miền quê.

Câu 4. (0,75 điểm) Từ nội dung đoạn trích, anh/chị hãy trình bày tác dụng của việc trải nghiệm đối với bản thân.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về bài thơ:

*Quanh năm buôn bán ở mom sông,
Nuôi đủ năm con với một chồng.
Lặn lội thân cò khi quãng vắng,
Eo sèo mặt nước buổi đò đông.
Một duyên hai nợ âu đành phận,
Năm nắng mười mưa dám quản công.
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,
Có chồng hờ hững cũng như không.*

(*Thương vợ*, Trần Tế Xương, *Ngữ văn 11*, Tập Một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019, tr.29,30)

---- Hết ----

HƯỚNG DẪN CHẤM

(Hướng dẫn chấm này gồm 02 trang)

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Giám khảo cần chủ động nắm bắt nội dung trình bày của thí sinh để đánh giá tổng quát bài làm, tránh đếm ý cho điểm. Chú ý vận dụng linh hoạt và hợp lý *Hướng dẫn chấm*.
- Đặc biệt trân trọng, khuyến khích những bài viết có nhiều sáng tạo, độc đáo trong nội dung và hình thức.
- Điểm lẻ toàn bài tính đến 0.25 điểm, sau đó làm tròn theo quy định.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

PHẦN	NỘI DUNG	ĐIỂM
I. Đọc hiểu: (3,0 điểm)		
Câu 1.	Phương thức tự sự/Tự sự. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời khác đáp án: 0,0 điểm.	0,75
Câu 2.	Biện pháp tu từ so sánh/ So sánh. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời khác đáp án: 0,0 điểm.	0,75
Câu 3.	Tâm trạng nhân vật <i>tôi</i> khi trải nghiệm một ngày ở miền quê: <i>náo nức, bình yên thư thái</i> . Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được các nét chính của tâm trạng nhân vật <i>tôi</i> như đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được 01 nét tâm trạng hoặc tỏ ra hiểu vấn đề nhưng trả lời chưa đầy đủ: từ 0,5 đến 0,75 điểm. - Học sinh trả lời sơ sài: 0,25 điểm. - Học sinh không trả lời hoặc trả lời không liên quan: 0,0 điểm. * Lưu ý: <i>Học sinh có thể trình bày nhiều cách khác nhau, miễn là tỏ ra hiểu vấn đề chính.</i>	1,0
Câu 4.	Học sinh có thể trình bày nhiều cách khác nhau, miễn là tỏ ra hiểu vấn đề chính như sau: <i>Sự trải nghiệm đem lại hiểu biết, kinh nghiệm thực tế; đời sống bản thân phong phú, sâu sắc hơn.</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 0,5 điểm. - Học sinh hiểu vấn đề nhưng trả lời chưa đầy đủ: 0,25 điểm. - Học sinh không trả lời hoặc trả lời không liên quan: 0,0 điểm.	0,5
II. Làm Văn: (70 điểm) Cảm nhận bài thơ <i>Thương vợ</i> của Trần Tế Xương		
	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận	0,5

	Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.	
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Nội dung và nghệ thuật bài thơ <i>Thương vợ</i>. Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm.	0,5
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các nội dung sau:	
	<i>* Giới thiệu khái quát về tác giả Trần Tế Xương; giới thiệu bài thơ.</i> Hướng dẫn chấm: Phần giới thiệu tác giả: 0,25 điểm; giới thiệu tác phẩm: 0,25 điểm.	0,5
	<i>* Cảm nhận bài thơ:</i> - Chân dung người vợ (bà Tú) tần tảo, giàu đức hy sinh. - Tình cảm yêu thương, quý trọng của nhà thơ dành cho người vợ. - Ngôn ngữ thơ giản dị, tự nhiên, giàu biểu cảm; vận dụng sáng tạo cách nói của văn học dân gian. Hướng dẫn chấm: - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 3,5 điểm – 4,0 điểm. - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 2,0 điểm – 3,25 điểm. - Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 1,75 điểm.	4,0
	- Đánh giá chung: + <i>Thương vợ</i> là bài thơ tiêu biểu cho thơ trữ tình của Trần Tế Xương. + Bài thơ mang tâm sự của nhà nho vương bị kịch đời thừa. Hướng dẫn chấm: - Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm. - Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.	0,5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm phần này nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,5
	<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của thơ Tú Xương; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0,5
I +II		10,0